TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/ 2018/ HSST
Ngày 22/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ích Yên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Gia

2. Bà: Nguyễn Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thu Nga - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/ 2018/ TLST-HS, ngày 29 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Q**, sinh ngày: 23/9/1994

tại thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá:12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1975 và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1975.

Có vợ: Vũ Thị D, sinh năm: 1994 và có 01 con (sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại.

(Có mặt)

- Bị hại: Chị Phạm Thị Lan P. Sinh năm: 1993

Trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn Q1. Sinh năm: 1991

Trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Ông Lê Bá B. Sinh năm: 1964

Trú tại: Tổ dân phố T, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Vi Đức L. Sinh năm: 1989

Trú tại: Xóm Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Đình C. Sinh năm: 1993

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 05/12/2017, sau khi đi uống bia cùng bạn làm cùng công ty H ở Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Q đi nhờ xe bạn quay lại cổng Công ty để đứng đợi vợ mình tan ca sau đèo về nhà. Trong khi đứng đợi vợ ra đón, Q có ý định vào nhà xe của công ty H nơi Q làm việc để trộm cắp xe máy do trước đó Q có lấy được 01 chiếc chìa khóa xe Honda tại bàn văn thư trong công ty H. Sau đó, Q đi bộ vào nhà để xe của công nhân, Q nhìn thấy chiếc xe mô tô Honda Wave, BKS 20F1-30557 của chị Phạm Thị Lan P để tại vị trí cột thứ 7, dãy thứ nhất theo hướng từ cổng đi vào, xe mô tô trên là do chị P mượn của anh trai là anh Phạm Văn Q1. Q dùng 01 chìa khóa xe Honda để mở khóa cốp xe mô tô nói trên thì thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Văn Q1 và 01 vé gửi xe của xe mô tô BKS 20F1-30557. Q lấy vé xe sau đó dùng chìa khóa mở ổ khóa điện của xe và nổ máy điều khiển xe ra vị trí

trả vé để lấy xe, sau khi ra khỏi công ty Q đi đến quán cầm đồ của ông Lê Bá B để cầm cố. Nhưng do ông B yêu cầu Q cho ông B nói chuyện với chủ xe thì mới đồng ý cho cầm cố nên Q đã gọi điện thoại cho bạn là anh Nguyễn Đình C để nhờ anh C giả làm chủ xe nhưng không được nên Q đã điều khiển xe về nhà rồi đi ngủ. Đến khoảng 06 giờ 45 phút ngày 06/12/2017 Q lại điều khiển chiếc xe nói trên đến quán cầm đồ của ông B, trên đường đi Q gọi điện thoại cho anh C để nhờ anh C giả danh chủ xe tên Phạm Văn Q1 và được C đồng ý giúp. Khi đến quán của ông B, Q lấy điện thoại của mình gọi điện cho anh C rồi đưa cho ông B nói chuyện với C, C đã được Q trao đổi trước nên trả lời đúng các thông tin có trong đăng ký xe, vì vậy ông B đã tin và đồng ý cầm cố chiếc xe BKS 20F1-30557 cho Q với số tiền là 9.000.000đ. Sau khi nhận tiền, Q bắt xe taxi đến công ty H để làm việc.

Sáng ngày 06/12/2017 chị Phạm Thị Lan P tan ca đi vào nhà xe lấy xe để về nhà thì phát hiện chiếc xe đã bị mất. Sau đó chị P đã trình báo sự việc đến Công an huyện P để xử lý.

Cùng ngày 06/12/2017, Nguyễn Văn Q đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nêu trên, đồng thời giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 220, màu đen là điện thoại Q dùng để liên hệ với anh C nhờ giả danh chủ xe BKS 20F1-30557 và số tiền 8.922.000đ, là số tiền còn lại Q có được từ việc cầm cố xe mô tô BKS 20F1-30557.

Ngày 07/12/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình ra Quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Phú Bình để định giá đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20F1-30557. Tại Kết luận định giá tài sản số 166/KL-ĐG ngày 09/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phú Bình xác định chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 20F1-30557 có giá trị 9.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen BKS 20F1-30557; 01 chứng nhận đăng ký xe máy tên Phạm Văn Q1; 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại màu trắng có ký hiệu B570 có chiều dài 4,7cm; 01 điện thoại Nokia 220 và số tiền 8.922.000 đồng. Toàn bộ vật chứng đã được thu giữ, bảo quản và xử lý theo đúng quy định pháp luật. Bị hại là chị Phạm Thị Lan P đã nhận lại 01 xe mô tô BKS 20F1-30557 và 01 đăng ký xe, chị P không đề nghị Q phải bồi thường gì. Đối với ông Lê Bá B là người mua xe nhưng không biết đây là tài sản do Q phạm tội mà có với số tiền 9.000.000 đồng. Hiện nay Q chưa bồi thường cho ông B số tiền nêu trên.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Văn Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của Q phù hợp với những tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 13/KSĐT, ngày 24-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận tội, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội pham và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt chính:

Áp dụng Điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Khoản 1 Điều 173, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

Nguyễn Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.922.000 đồng do bị cáo Q phạm tội mà có; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 220 máy màu đen số imel: 05521, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Q do sử dụng vào việc phạm tội; Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại màu trắng có ký hiệu B570 có chiều dài 4,7 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Việc bồi thường dân sự đã giải quyết xong trước khi mở phiên toà, không đặt ra vấn đề gì cần phải giải quyết tại phiên toà.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định và có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại: Chị Phạm Thị Lan P có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày chị đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20F1-305.57, xe không bị hỏng hóc gì nên chị không yêu cầu bị cáo Q bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày chiếc xe mô tô BKS 20F1-305.57 là xe của anh, chị P là em gái anh mượn đi làm và bị cáo Q đã trộm cắp, hiện nay anh đã nhận lại xe và anh không có yêu cầu đề nghị gì. Ông Lê Bá B có mặt tại phiên tòa trình bày ông có nhận ký gửi chiếc xe mô tô BKS 20F1-305.57 của bị cáo Q với số tiền 9.000.000đồng, hiện nay bị cáo Q đã trả ông số tiền này. Tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo Q phải bồi hoàn khoản tiền nào khác.

Nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn Q xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản sự việc, kết quả định giá tài sản và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ ngày 05/12/2017, tại nhà để xe của Công ty H thuộc Khu công nghiệp Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Văn Q đã trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave màu đen BKS 20F1-305.57 của chị Phạm Thị Lan P có giá trị 9.000.000 đồng mang đi tiêu thụ.

Vụ án được khởi tố trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Theo hướng dẫn tại Công văn 04/TANDTC-PC về việc áp dụng Bộ luật Hình sự 2015 của Toà án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội thì Hội đồng xét xử thấy những quy định về tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự năm 2015 có quy định về hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết.

Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2)...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xác định:

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", khung hình phạt mà bị cáo phải chịu trách nhiệm thuộc trường hợp là tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức rõ việc xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi thực hiện tội phạm của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo ra đầu thú nên còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét, bị cáo Nguyễn Văn Q là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình đã thu giữ và trao trả cho người bị hại là chị Phạm Thị Lan P một chiếc xe mô tô BKS 20 F1-305.57 và chị không có yêu cầu bồi thường gì. Ngoài ra, trước khi mở phiên toà bị cáo đã trả lại ông Lê Bá B số tiền 9.000.000 đồng, tại phiên toà ông B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản thiệt hại nào, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 220 máy màu đen số imel: 05521, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Q do sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 8.922.000đ (Tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) do bị cáo Q phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại màu trắng có ký hiệu B570 có chiều dài 4,7 cm.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của Pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

Nguyễn Văn Q 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (là ngày 22 tháng 3 năm 2018).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Uỷ ban nhân dân xã Đ, Thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử lý vật chứng như sau:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Nokia 220 máy màu đen số imel: 05521, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Q do sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 8.922.000đ (Tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng) do bị cáo Q phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô bằng kim loại màu trắng có ký hiệu B570 có chiều dài 4,7 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện Phú Bình và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 20 ngày 08/ 02/ 2018 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và đơn vị nhận tiền Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo (Nguyễn Văn Q); Có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Bá B). Báo cho những người này biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt người bị hại (Chị Phạm Thị Lan P); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Phạm Văn Q1). Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện Phú Bình;
- Cơ quan điều tra CA huyện Phú Bình;
- CQTHAHS Công an huyện Phú Bình;
- CC T.H.A DS huyện Phú Bình;
- Các Bị cáo; Người bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ích Yên